Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8482.91.00

Mã HS	8482.91.00
Mô tả hàng hóa	Ổ bi hoặc ổ đũa / - Bộ phận: / - - Bi, kim và đũa
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	15/11/2026 11:41:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84829100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14609
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14609
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14609
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13962
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13903
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13903
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13903
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13903
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13903
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13903
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13957
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13957
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13957

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13957
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13957
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13957
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13958
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13958
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13958
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13958
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13958
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13958
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13961
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13909
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13917
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13917
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13917
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13917
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13917
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13917
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13948
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13948
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13948
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13948
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13948
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13948
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14003
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14003
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14003

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14003
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14003
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14003
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13980
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13980
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13980
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13980
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13980
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13980
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13980
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13980
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13980
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13980
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13980
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13980
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13995
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13995
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13995
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13995
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13995
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13995
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13994
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13994
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13994
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13994
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13994

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13994
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13974
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13974
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13974
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13974
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13974
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13974
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13974
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13982
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13982
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13982
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13982
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13982
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13982
RCEP B	2022	2022	0	B!D13982
RCEP B	2023	2023	0	B!E13982
RCEP B	2024	2024	0	B!F13982
RCEP B	2025	2025	0	B!G13982
RCEP B	2026	2026	0	B!H13982
RCEP B	2027	2027	0	B!I13982
RCEP C	2022	2022	0	C!D13982
RCEP C	2023	2023	0	C!E13982
RCEP C	2024	2024	0	C!F13982
RCEP C	2025	2025	0	C!G13982
RCEP C	2026	2026	0	C!H13982
RCEP C	2027	2027	0	C!I13982

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13981
RCEP D	2023	2023	0	D!E13981
RCEP D	2024	2024	0	D!F13981
RCEP D	2025	2025	0	D!G13981
RCEP D	2026	2026	0	D!H13981
RCEP D	2027	2027	0	D!I13981
RCEP E	2022	2022	0	E!D13985
RCEP E	2023	2023	0	E!E13985
RCEP E	2024	2024	0	E!F13985
RCEP E	2025	2025	0	E!G13985
RCEP E	2026	2026	0	E!H13985
RCEP E	2027	2027	0	E!I13985
RCEP F	2022	2022	0	F!D13982
RCEP F	2023	2023	0	F!E13982
RCEP F	2024	2024	0	F!F13982
RCEP F	2025	2025	0	F!G13982
RCEP F	2026	2026	0	F!H13982
RCEP F	2027	2027	0	F!I13982
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12988
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12988
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12988
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12988

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8482.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8482.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14609), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.